

Bản án số: 05/2023/DS-ST

Ngày 16/5/2023

“V/v *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Bình.

Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Tỉnh và bà Trần Thị Bích Vân.

Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Ngày 16 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 09/2023/TLST-DS ngày 08/02/2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2023/QĐXXST-DS ngày 10/4/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2023/QĐST-DS ngày 27/4/2023, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị M, sinh năm 1967; Địa chỉ: thôn A, xã P, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, có mặt tại phiên tòa.

2/ Bị đơn: Chị Nguyễn Tuyết N, sinh năm 1988; Địa chỉ: Thôn A, xã P, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/01/2023, bà Đỗ Thị M trình bày: Vào ngày 27/3/2021 âm lịch (ngày 08/5/2021 dương lịch) bà M có cho chị Nguyễn Tuyết N mượn số tiền là 200.000.000đồng và hẹn một tháng sau chị N sẽ trả toàn bộ số tiền trên. Đến nay chị N chưa trả số tiền trên cho bà M nên bà M yêu cầu Tòa án buộc chị N trả toàn bộ số tiền 200.000.000đồng. Bà M không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai ngày 09/02/2023 chị N công nhận có nợ bà M tổng số tiền là 200.000.000đồng và xin được trả dần mỗi tháng 2.000.000đồng.

Tại biên bản hòa giải ngày 09/02/2023 và 20/02/2023 giữa các bên đương sự thỏa thuận được: Chị N công nhận có nợ bà M tổng số tiền là 200.000.000đồng.

Giữa các bên không thống nhất được thời gian, phương thức trả nợ và án phí nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bà M yêu cầu Tòa án buộc chị N phải trả toàn bộ số tiền nợ là 200.000.000đồng. Bà M không yêu cầu trả lãi.

Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn đã giao nộp cho Tòa án để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện gồm: 01 Giấy mượn tiền đề ngày 27/3/2021 (âm lịch); 01 Căn cước công dân của bà Đỗ Thị M; 01 Bản tự khai đề ngày 08/02/2023.

Các tài liệu, chứng cứ do bị đơn đã giao nộp cho Tòa án như sau: 02 Bản tự khai đề ngày 09/02/2023 và ngày 12/02/2023.

Các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Đỗ Thị M có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai giải quyết buộc chị Nguyễn Tuyết N trả toàn bộ khoản nợ. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho chị N, nhưng chị N không tham gia tố tụng tại phiên tòa. Do đó, Tòa án tiến hành theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Xét về nội dung vụ án: Qua lời khai của nguyên đơn tại phiên tòa cùng các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp đã có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận:

Vào ngày 27/3/2021 (âm lịch) là ngày 08/5/2021 (dương lịch) bà M có cho chị N mượn số tiền là 200.000.000đồng và chị N hẹn một tháng sau sẽ trả toàn bộ số tiền trên cho bà M, nhưng đến nay chị N chưa trả số tiền trên cho bà M nên bà M có đơn yêu cầu Tòa án buộc chị N trả toàn bộ số tiền 200.000.000đồng.

Xét về giấy mượn tiền đề ngày 27/3/2021 (âm lịch) được xem là hợp đồng vay tài sản giữa các bên được lập bằng văn bản, về nội dung ghi số tiền cụ thể và có chữ ký của người vay tiền. Giữa các bên không có thỏa thuận lãi suất, mặt dù bà M đòi nhiều lần nhưng chị N không trả số tiền đã mượn là vi phạm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng như đã thỏa thuận, được quy định tại Điều 463 và khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự. Do đó, việc bà M yêu cầu Tòa án buộc chị N trả số tiền 200.000.000đồng là đúng pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà M.

Bà M không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét để giải quyết.

Từ những nhận định trên buộc chị N phải có nghĩa vụ trả cho bà M toàn bộ số nợ là 200.000.000đồng.

[3] Về án phí: Bà Đỗ Thị M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Tuyết N phải có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị M.

Buộc chị Nguyễn Tuyết N phải có nghĩa vụ trả cho bà Đỗ Thị M toàn bộ số tiền nợ gốc là 200.000.000đồng (hai trăm triệu đồng)

[2] Về án phí: Bà Đỗ Thị M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà M số tiền tạm ứng án phí là 5.000.000đồng (năm triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004233 ngày 08/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, Gia Lai.

Buộc chị Nguyễn Tuyết N phải có nghĩa vụ nộp 10.000.000đồng (mười triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[3] Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[4] Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5] Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 16/5/2023. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Ngọc Bình